

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÌNH LẬP
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29/4/2020
V/v xin ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thế Khuynh
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
Bà Nguyễn Thị Bẩy
Ông Hà Văn Chiều
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập tham gia phiên tòa:*
Bà Vi Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm: 1986; địa chỉ: Thôn X, Xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Chị Nông Thị H, sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2020; bản tự khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Anh Hoàng Văn T kết hôn với chị Nông Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ vào ngày 06/9/2009. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng rất hạnh phúc, luôn thương yêu nhau, cùng chăm lo làm ăn, chăm sóc gia đình và con cái. Nhưng cuộc sống chung hạnh phúc chỉ kéo dài được đến năm 2017 thì vợ chồng anh T, chị H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, lý do là hai vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, nên thường xuyên cãi, chửi nhau; mặt khác là chị Nông Thị H không hợp với mẹ chồng, dẫn đến giữa mẹ chồng, con dâu thường xảy ra cãi chửi nhau, xúc phạm nhau. Năm 2017 chị Nông Thị H đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ tại Thôn B, xã K, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn sinh sống, anh, chị cũng đã sống ly thân, từ đó cho đến nay anh T, chị H đã không liên lạc gì với nhau, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh Hoàng Văn T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai vợ chồng không thể hòa hợp quay về chung sống với nhau được nữa, anh mong Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Anh Hoàng Văn T và chị Nông Thị H có một người con chung là Hoàng Công M, sinh ngày 19/11/2011. Khi ly hôn anh Hoàng Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Nông Thị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Trong bản tự khai ngày 14/2/2020 và lời khai tại phiên tòa, bị đơn chị Nông Thị H trình bày:

Chị Nông Thị H kết hôn với anh Hoàng Văn T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ vào ngày 06/9/2009. Sau khi kết hôn hai vợ chồng thuê trọ sống và làm công nhân tại huyện A, thành phố Hà Nội. Đến tháng 8 năm 2017 hai vợ chồng có bàn và đồng ý đưa con về trên quê ngoại học, nên hai mẹ con chị H đã chuyển về quê ngoại tại thôn B, xã K, huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn sinh sống và hai vợ chồng chị cũng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, tuy nhiên thỉnh thoảng hai bên vẫn qua lại thăm nom con và thăm nhau. Nay anh Hoàng Văn T làm đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu được ly hôn với chị, chị H không nhất trí, chị H cho rằng hai vợ chồng chị vẫn còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn dẫn đến ly hôn chủ yếu là mâu thuẫn giữa con dâu với mẹ chồng, chứ giữa hai vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì để phải ly hôn, chị H mong muốn anh T quay về chung sống với nhau để cùng chăm lo làm ăn, chăm sóc gia đình và con cái, tuy nhiên chị cũng yêu cầu anh T là sau khi quay về chung sống với nhau thì hai vợ chồng phải ra ở riêng chứ không sống chung cùng bố mẹ chồng nữa nhưng anh Hoàng Văn T không nhất trí với yêu cầu đó. Tại phiên tòa chị Nông Thị H cho rằng vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung là Hoàng Công M, sinh ngày 19/11/2011. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn thì chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung và anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, (một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại bản khai và tại phiên tòa chị Nông Thị H trình bày tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không có.

Tại Biên bản lấy lời khai, cháu Hoàng Công M có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nông Thị H

Tại phiên tòa anh Hoàng Văn T và chị Nông Thị H đã tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể: Giao cháu Hoàng Công M cho chị Nông Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ ngày án có hiệu lực anh Hoàng Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con là cháu Hoàng Công M, sinh ngày 19/11/2011, với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000đ, (một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, tiền cấp dưỡng hàng tháng được chuyển cho chị Nông Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Từ khi thụ lý vụ án đến khi tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, viết bản tự khai và cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn T, xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Nông Thị H. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Hoàng Văn T và chị Nông Thị H về việc giao cháu Hoàng Công M cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng cho đến khi trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu xem xét. Về án phí, nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Văn T có đơn yêu cầu về việc ly hôn giữa anh và chị Nông Thị H là đúng quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc giải quyết yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Văn T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Nông Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ vào ngày 06/9/2009. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp, đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, anh T có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn với chị H là đúng theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn gia đình: Anh Hoàng Văn T cho rằng do hai vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, nên thường xuyên cãi, chửi nhau, mặt khác chị Nông Thị H không hợp với mẹ chồng, nên dẫn đến giữa mẹ chồng và con dâu thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, xúc phạm nhau, anh T và chị H đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy anh T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là có căn cứ: Tại bản khai ngày 14/02/2020, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/3/2020 và tại phiên tòa hôm nay, chị Nông Thị H thừa nhận là chị với mẹ chồng không hợp nhau, nên nhiều khi xảy ra việc cãi, chửi nhau; hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, hai bên không còn sự quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Anh Hoàng Văn T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nông Thị H. Yêu cầu của anh T đưa ra là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Nông Thị H.

[5] Về con chung: Anh Hoàng Văn T và chị Nông Thị H có một người con chung là Hoàng Công M, sinh ngày 19/11/2011. Xét thấy từ năm 2017 đến nay cháu Hoàng Công M được chị Nông Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị Nông Thị H có đủ điều kiện tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và nguyện vọng của cháu sau khi bố mẹ ly hôn được ở với mẹ. Anh Hoàng Văn T cũng đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, do vậy nên việc giao con cho chị Nông Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, Tại phiên tòa anh Hoàng Văn T và chị Nông Thị H đã tự nguyện thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con là cháu Hoàng Công M, sinh ngày 19/11/2011, với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000đ, (một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, tiền cấp dưỡng hàng tháng được chuyển cho chị Nông Thị H. Thỏa thuận của anh Hoàng Văn T và chị Nông Thị H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận,

[7] Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung anh Hoàng Văn T và chị Nông Thị H cùng xác định là không có nên không xem xét.

[8] Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; 53; 56; 57; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, các điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T. Xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Nông Thị H.

2. Về con chung: Công nhận thỏa thuận giữa anh Hoàng Văn T và chị Nông Thị H. Giao con chung là Hoàng Công M, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2011 cho chị Nông Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng từ khi án có hiệu lực đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Công nhận thỏa thuận giữa anh Hoàng Văn T và chị Nông Thị H. Anh Hoàng Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Nông Thị H, mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, từ khi án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và chị Nông Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Hoàng Văn T chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì anh Hoàng Văn T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi xuất quy định tại điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và phải chịu án phí về cấp dưỡng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh Hoàng Văn T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2012/04267 ngày 05/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ1, tỉnh Lạng Sơn. Anh Hoàng Văn T còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (PKTNV&THA);
- VKSND H. Đình Lập;
- Chi cục THADS huyện Đ1;
- UBND Xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thế Khuynh

